

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 2

MÔN: TIẾNG ANH 11 BRIGHT

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. C	8. B	15. C	22. B	29. C
2. B	9. C	16. B	23. D	30. A
3. C	10. D	17. afford	24. C	36. built on water
4. A	11. A	18. socialize	25. C	37. smart and lovely
5. D	12. C	19. employed	26. C	38. housekeeping robot
6. A	13. B	20. cooperation	27. B	39. electric or driverless
7. A	14. D	21. A	28. D	40. pollution

31. I believe that robots will become a big part of our lives.

32. It is not unlikely that driverless vehicles will become popular in this century.

33. People will probably not live in floating houses.

34. Mark insisted on running a charity event to generate funds for disabled students.

35. It's worth volunteering your time, money and energy to help other people.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. C

Kiến thức: Phát âm “oo”**Giải thích:**A. rooftop /'ru:f.tɒp/B. schooling /'sku:.liŋ/C. door /dɔ:r/D. food /fu:d/

Phần được gạch chân ở phương C được phát âm /ɔ:/, các phương án còn lại phát âm /u:/.

Chọn C

2. B

Kiến thức: Phát âm “th”**Giải thích:**A. healthcare /'helθkeə/B. clothing /'kləʊ.ðɪŋ/C. strengthen /'stren.θən/D. something /'sʌm.θɪŋ/

Phần được gạch chân ở phương B được phát âm /ð/, các phương án còn lại phát âm /θ/.

Chọn B

3. C

Kiến thức: Trọng âm 3 âm tiết

Giải thích:

- A. digital /'dɪdʒ.ɪ.təl/
- B. vehicle /'vɪə.kəl/
- C. production /prə'dʌk.ʃən/
- D. motorway /'məʊ.tə.weɪ/

Phương án C có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn C

4. A

Kiến thức: Trọng âm 2 âm tiết

Giải thích:

- A. practice /'præk.tɪs/
- B. suggest /sə'dʒest/
- C. postpone /pəʊst'pəʊn/
- D. deny /dɪ'naɪ/

Phương án A có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn A

5. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. Likely: Có thể
- B. Probably: Có lẽ (diễn tả một sự việc có khả năng xảy ra cao (50% hoặc cao hơn))
- C. Definitely: Chắc chắn
- D. Perhaps: Có lẽ (dùng để diễn tả một việc có khả năng xảy ra và không xảy ra ngang bằng nhau (50/50))

Perhaps, drones will deliver all packages in the future, but I'm not sure.

(Có lẽ máy bay không người lái sẽ vận chuyển tất cả các gói hàng trong tương lai, nhưng tôi không chắc chắn.)

Chọn D

6. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. Flying vehicles: Phương tiện bay
- B. Digital roads: Đường kỹ thuật số
- C. Underground cars: Ô tô ngầm

D. Virtual motorways: Đường cao tốc ảo

Flying vehicles which can take off and land on tops of buildings, parking garages or helipads promise a faster means of transport in the future.

(Các phương tiện bay có thể cất cánh và hạ cánh trên nóc các tòa nhà, gara đỗ xe hoặc sân bay trực thăng hứa hẹn sẽ là phương tiện vận chuyển nhanh hơn trong tương lai.)

Chọn A

7. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. give (v): cho

B. access (v): truy cập

C. provide (v): cung cấp

D. bring (v): mang theo

Virtual reality headsets will **provide** students with real-life experiences in a digital world.

(Tai nghe thực tế ảo sẽ cung cấp cho học sinh những trải nghiệm thực tế trong thế giới kỹ thuật số.)

Chọn C

8. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. on the streets: trên đường phố

B. on rooftops gardens: vườn trên mái nhà

C. on skybridges: trên cầu trên cao

D. in the countryside: ở nông thôn

To reduce transportation costs, fresh food will be produced **on rooftops gardens**.

(Để giảm chi phí vận chuyển, thực phẩm tươi sống sẽ được sản xuất trên các khu vườn trên mái nhà.)

Chọn B

9. C

Kiến thức: Chức năng giao tiếp

Giải thích:

A. I agree with you: Tôi đồng ý với bạn.

B. I expect too: Tôi cũng mong đợi.

C. The way I see it too: Theo cách tôi nhìn thấy nó cũng vậy.

D. Same with me: Tôi cũng vậy.

Jack: It will be great if there are more hologram devices in every classroom. – **Andy: I agree with you.** With hologram devices, teachers can carry out scientific experiments right in the classroom.

(Jack: Sẽ thật tuyệt nếu có thêm thiết bị chụp ảnh ba chiều trong mỗi lớp học. – Andy: Tôi đồng ý với bạn. Với thiết bị ảnh ba chiều, giáo viên có thể thực hiện các thí nghiệm khoa học ngay trong lớp học.)

Chọn C

10. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. Home schooling: Giáo dục tại nhà
- B. Cyborg guides: Hướng dẫn người máy
- C. Hologram devices: Thiết bị ảnh ba chiều
- D. Virtual reality headsets: Tai nghe thực tế ảo

Virtual reality headsets will have recorded classes from many teachers, and students will be able to access information beyond the classroom.

(Tai nghe thực tế ảo sẽ ghi lại các lớp học của nhiều giáo viên và học sinh sẽ có thể truy cập thông tin bên ngoài lớp học.)

Chọn D

11. A

Kiến thức: Chức năng giao tiếp

Giải thích:

- A. That may be true: Điều đó có thể đúng.
- B. I don't think so: Tôi không nghĩ vậy.
- C. Oh, I don't know: Ồ, tôi không biết.
- D. I don't agree with you: Tôi không đồng ý với bạn.

Alice: What can we do to help poor people is donating more money to charities. – **Sandra:** **That may be true.** Besides, we can also help them with education and training.

(Alice: Điều chúng ta có thể làm để giúp đỡ người nghèo là quyên góp nhiều tiền hơn cho các tổ chức từ thiện. – Sandra: Điều đó có thể đúng. Ngoài ra, chúng ta còn có thể giúp họ về giáo dục và đào tạo.)

Chọn A

12. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. treatments (n): phương pháp điều trị
- B. social welfare (n): phúc lợi xã hội
- C. shelters (n): nơi trú ẩn
- D. healthcare (n): chăm sóc sức khỏe

When a disaster takes place, the Red Cross builds **shelters** in disaster areas to ensure that people have somewhere to stay.

(Khi thảm họa xảy ra, Hội Chữ thập đỏ xây dựng những nơi trú ẩn ở những khu vực bị thiên tai để đảm bảo người dân có nơi ở.)

Chọn C

13. B

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Chủ ngữ là các đại từ *none of* mang nghĩa phủ định thì câu hỏi đuôi ở dạng khẳng định chủ ngữ *they*.

None of the students in this class have experienced racism for their peers, **have they?**

(Không có học sinh nào trong lớp này từng trải qua sự phân biệt chủng tộc đối với bạn bè của mình, phải không?)

Chọn B

14. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. exploited (V-ed): khai thác

B. experienced (V-ed): từng trải

C. suffered (V-ed): chịu đựng

D. affected (V-ed): ảnh hưởng

Every year, thousands of people are **affected** by natural disasters.

(Hàng năm có hàng nghìn người bị ảnh hưởng bởi thiên tai.)

Chọn D

15. C

Kiến thức: V-ing/ to V

Giải thích:

Cấu trúc: get used to + V-ing: sự việc nào đó đang dần trở nên quen thuộc với bạn

At first, recycling everything was difficult, but we soon get used **to doing** it.

(Lúc đầu, việc tái chế mọi thứ rất khó khăn, nhưng chúng tôi nhanh chóng làm quen với việc đó.)

Chọn C

16. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. food stamps (n): phiếu thực phẩm

B. food benefits (n): trợ cấp thực phẩm

C. food care (n): chăm sóc thực phẩm

D. food safety (n): an toàn thực phẩm

The American government provides **food benefits** for low-income people so that they can have free healthy food for themselves and their family.

(Chính phủ Mỹ cung cấp trợ cấp thực phẩm cho những người có thu nhập thấp để họ có được thực phẩm lành mạnh miễn phí cho bản thân và gia đình.)

Chọn B

17. afford

Kiến thức: Từ vựng – Từ loại

Giải thích:

Cấu trúc: be able to + V-inf: có thể, có đủ khả năng làm gì

affordable (adj): có thể chi trả => afford (v): đủ khả năng

One of the biggest benefits of 3D printing is that it produces cheap houses, so more people will be able to afford new houses.

(Một trong những lợi ích lớn nhất của in 3D là nó tạo ra những ngôi nhà giá rẻ, vì vậy nhiều người sẽ có đủ khả năng mua nhà mới.)

Đáp án: afford

18. socialize

Kiến thức: Từ vựng – Từ loại

Giải thích:

Sau chủ ngữ số nhiều “people” thì hiện tại đơn cần động từ nguyên thể.

society (n): xã hội => socialize (v): giao tiếp xã hội

Technology has changed the way people **socialize**.

(Công nghệ đã thay đổi cách mọi người giao tiếp xã hội.)

Đáp án: socialize

19. employed

Kiến thức: Câu bị động thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Cấu trúc bị động với thì hiện tại hoàn thành: S + has / have + been + V3/ed

employ (v): thuê => employed (v-ed): thuê

Jack has been **employed** for six months and has to rely on social welfare payment.

(Jack đã làm việc được sáu tháng và phải dựa vào tiền phúc lợi xã hội.)

Đáp án: employed

20. cooperation

Kiến thức: Từ vựng – Từ loại

Giải thích:

Sau tính từ “international” (*quốc tế*) cần một danh từ.

cooperate (v): hợp tác => cooperation (n): sự hợp tác

Close international **cooperation** is needed to fight against all forms of racism.

(Cần có sự hợp tác quốc tế chặt chẽ để đấu tranh chống lại mọi hình thức phân biệt chủng tộc.)

Đáp án: cooperation

Bài đọc:

Technology is developing, so it has enabled us to do some amazing things. The question is: "What will schools be like in 20 years' time?"

Schools have experienced a **transformation** over the last 80 years - from chalkboards to interactive smart boards and from notebooks to iPads. The concept of a teacher standing at the front facing rows of desks with students who listen and take notes is gradually becoming a thing of the past. Digital classrooms will enable students to take part in learning activities anytime and anywhere. Some people believe that it is only a matter of time before cyborg guides begin to replace teachers in schools. However, it's more likely that robots will be used to support teachers in their work. For instance, robots can be used to make learning activities more individual. This can help to improve student's learning as it will help students learn in the best way.

Besides, virtual reality headsets will play a bigger role in the schools of the future. As we are in the digital era, a world of information is at your fingertips with a click of a button or a simple voice command. We are moving away from the time when students' schoolbags were full of books. This is the generation of tablets and 3D Digi books, which allows students to interact with 3D objects by touch. What's more, with virtual reality headsets, students may participate in historic scenes or explore the Pyramids of Giza without leaving the classrooms. Everything may be a feature of schools in years to come. However, only time will tell how many of those possibilities will happen in the future.

Tạm dịch:

Công nghệ đang phát triển nên nó đã cho phép chúng ta làm được một số điều tuyệt vời. Câu hỏi đặt ra là: "20 năm nữa trường học sẽ như thế nào?"

Các trường học đã trải qua quá trình chuyển đổi trong 80 năm qua - từ bảng phấn sang bảng thông minh tương tác và từ sổ ghi chép sang iPad. Khái niệm giáo viên đứng trước các dãy bàn để học sinh lắng nghe và ghi chép đang dần trở thành dĩ vãng. Lớp học kỹ thuật số sẽ cho phép học sinh tham gia vào các hoạt động học tập mọi lúc, mọi nơi. Một số người tin rằng việc hướng dẫn viên người máy bắt đầu thay thế giáo viên trong trường học chỉ là vấn đề thời gian. Tuy nhiên, nhiều khả năng robot sẽ được sử dụng để hỗ trợ giáo viên trong công việc. Ví dụ, robot có thể được sử dụng để làm cho các hoạt động học tập mang tính cá nhân hơn. Điều này có thể giúp cải thiện việc học của học sinh vì nó sẽ giúp học sinh học một cách tốt nhất.

Bên cạnh đó, tai nghe thực tế ảo sẽ đóng vai trò lớn hơn trong trường học trong tương lai. Vì chúng ta đang ở kỷ nguyên kỹ thuật số, thế giới thông tin nằm trong tầm tay bạn chỉ bằng một cú nhấp chuột hoặc một lệnh thoại đơn giản. Chúng ta đang dần rời xa cái thời mà cặp sách của học sinh đầy sách. Đây là thế hệ máy tính bảng và sách 3D Digi, cho phép học sinh tương tác với vật thể 3D bằng cách chạm. Hơn nữa, với tai nghe thực tế ảo, học sinh có thể tham gia vào các cảnh lịch sử hoặc khám phá Kim tự tháp Giza mà không cần rời đi

các phòng học. Mọi thứ có thể là một nét đặc trưng của trường học trong những năm tới. Tuy nhiên, chỉ có thời gian mới có thể biết được bao nhiêu khả năng đó sẽ xảy ra trong tương lai.

21. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Văn bản chủ yếu nói về _____.

- A. giáo dục có thể thay đổi như thế nào trong tương lai
- B. cách người máy sẽ trợ giúp trong tương lai
- C. cách robot có thể hỗ trợ học sinh trong học tập
- D. cách học sinh có thể sử dụng công nghệ

Thông tin: The question is: "What will schools be like in 20 years' time?".

(Câu hỏi đặt ra là: "20 năm nữa trường học sẽ như thế nào?")

Chọn A

22. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ transformation có nghĩa GẦN NHẤT với _____.

- A. sáng tạo
- B. thay đổi hoàn toàn
- C. cải tiến
- D. khuyến mãi

transformation = complete change : biến đổi hoàn toàn

Thông tin: Schools have experienced a transformation over the last 80 years - from chalkboards to interactive smart boards and from notebooks to iPads.

(Các trường học đã trải qua quá trình chuyển đổi trong 80 năm qua - từ bảng phấn sang bảng thông minh tương tác và từ sổ ghi chép sang iPad.)

Chọn B

23. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Có khả năng là _____.

- A. sẽ không còn bảng phấn trong lớp học
- B. người máy sẽ giúp giáo viên
- C. học sinh sẽ học riêng với hướng dẫn người máy
- D. hướng dẫn viên người máy sẽ thay thế giáo viên

Thông tin: Some people believe that it is only a matter of time before cyborg guides begin to replace teachers in schools.

(Một số người tin rằng việc hướng dẫn viên người máy bắt đầu thay thế giáo viên trong trường học chỉ là vấn đề thời gian.)

Chọn D

24. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Sách 3D Digi _____.

- A. có thể được sử dụng trong các bài học lịch sử
- B. sẽ là nguồn thông tin chính
- C. bao gồm các tính năng tương tác
- D. chắc chắn sẽ thay thế sách giáo khoa trong lớp

Thông tin: This is the generation of tablets and 3D Digi books, which allows students to interact with 3D objects by touch.

(Đây là thế hệ máy tính bảng và sách 3D Digi, cho phép học sinh tương tác với vật thể 3D bằng cách chạm.)

Chọn C

25. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo đoạn văn, tất cả các câu sau đây đều đúng, NGOẠI TRỪ _____.

- A. giáo dục đã trở nên khác biệt trong 80 năm qua
- B. lớp học kỹ thuật số mang lại cho học sinh khả năng học mọi lúc, mọi nơi
- C. ngày nay, sinh viên có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng
- D. học sinh có thể tương tác với nhau bằng tai nghe thực tế ảo

Thông tin:

- Schools have experienced a transformation over the last 80 years - from chalkboards to interactive smart boards and from notebooks to iPads. => Đáp án A

(Các trường học đã trải qua quá trình chuyển đổi trong 80 năm qua - từ bảng phấn sang bảng thông minh tương tác và từ sổ ghi chép sang iPad.)

- Digital classrooms will enable students to take part in learning activities anytime and anywhere. => Đáp án B

(Lớp học kỹ thuật số sẽ cho phép học sinh tham gia vào các hoạt động học tập mọi lúc, mọi nơi.)

- This is the generation of tablets and 3D Digi books, which allows students to interact with 3D objects by touch. => Đáp án D

(Đây là thế hệ máy tính bảng và sách 3D Digi, cho phép học sinh tương tác với vật thể 3D bằng cách chạm.)

=> Đáp án C không được đề cập đến trong đoạn văn

Chọn C

26. C

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

- A. although mặc dù
- B. despite: mặc dù
- C. because of: bởi vì
- D. as a result: kết quả là

Some have run away from home (26) **because of** family problems, while others have been forced to leave home because their parents simply didn't have enough money to support them.

(Một số đã bỏ nhà đi (26) vì vấn đề gia đình, trong khi những người khác buộc phải rời nhà vì đơn giản là cha mẹ họ không có đủ tiền để nuôi họ.)

Chọn C

27. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. unprofitable (adj): không có lợi
- B. non-profit (adj): phi lợi nhuận
- C. profitable (adj): có lợi nhuận
- D. profiting (v): trục lợi

Blue dragon Children's Foundation is a(n) (27) **non-profit** organisation which was founded by Michael Brosowski and his friends in 2004.

(Tổ chức Trẻ em Rồng Xanh là một (n) (27) tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Michael Brosowski và những người bạn của ông vào năm 2004.)

Chọn B

28. D

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

Cụm từ: focus on (*tập trung vào*)

It focuses (28) **on** helping street kids and rescuing children from slavery and human trafficking in Vietnam.

(Nó tập trung (28) vào việc giúp đỡ trẻ em đường phố và giải cứu trẻ em khỏi nạn nô lệ và nạn buôn người ở Việt Nam.)

Chọn D

29. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. endless (adj): bất tận
- B. continuous (adj): tiếp diễn, liên tiếp
- C. nonstop (adj): không ngừng
- D. limitless (adj): không giới hạn

Blue Dragon has worked **(29) nonstop** to offer a variety of services which are led by a team of social workers, psychologists, teachers and lawyers.

(Blue Dragon đã làm việc (29) không ngừng nghỉ để cung cấp nhiều loại dịch vụ được dẫn dắt bởi đội ngũ nhân viên xã hội, nhà tâm lý học, giáo viên và luật sư.)

Chọn C

30. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. provides (v): cung cấp
- B. gives (v): cho
- C. creates (v): tạo ra
- D. raises (v): tăng

The charity **(30) provides** children in need with shelters, nutritious meals and healthcare as well as helps them return to their families.

(Tổ chức từ thiện (30) cung cấp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nơi ở, bữa ăn bổ dưỡng và dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng như giúp chúng trở về với gia đình.)

Chọn A

Đoạn văn hoàn chỉnh:

Homeless people are a tragic sight in the cities of almost every country in the world, but the ones in the most difficult situation are Blue Dragon, the street children. No one knows the exact number of homeless children because they often fear and avoid authorities. Some have run away from home **(26) because of** family problems, while others have been forced to leave home because their parents simply didn't have enough money to support them. They struggle to make ends meet by shining shoes or selling small items like chewing gum. Blue dragon Children's Foundation is a(n) **(27) non-profit** organisation which was founded by Michael Brosowski and his friends in 2004. It focuses **(28)** on helping street kids and rescuing children from slavery and human trafficking in Vietnam. Blue Dragon has worked **(29) nonstop** to offer a variety of services which are led by a team of social workers, psychologists, teachers and lawyers. The charity **(30) provides** children in need with shelters, nutritious meals and healthcare as well as helps them return to their families. It also makes sure that children can stay in school and receive a proper education by supporting them with tuition fees and living expenses. Blue Dragon believes that every child deserves exceptional care so that they can have a better chance in life.

Tạm dịch:

Người vô gia cư là cảnh tượng bi thảm ở các thành phố của hầu hết các quốc gia trên thế giới, nhưng người gặp hoàn cảnh khó khăn nhất chính là trẻ em đường phố Rộng Xanh. Không ai biết chính xác số lượng trẻ em vô gia cư vì các em thường sợ hãi và trốn tránh chính quyền. Một số đã bỏ nhà đi (26) vì vấn đề gia đình, trong khi những người khác buộc phải rời nhà vì đơn giản là cha mẹ họ không có đủ tiền để nuôi họ. Họ đấu tranh để kiếm sống bằng cách đánh giày hoặc bán những món đồ nhỏ như kẹo cao su. Tổ chức Trẻ em Rộng xanh là một (n) (27) tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Michael Brosowski và bạn bè của ông vào năm 2004. Nó tập trung (28) vào việc giúp đỡ trẻ em đường phố và giải cứu trẻ em khỏi chế độ nô lệ và nạn buôn người ở Việt Nam. Blue Dragon đã làm việc (29) không ngừng nghỉ để cung cấp nhiều loại dịch vụ được dẫn dắt bởi đội ngũ nhân viên xã hội, nhà tâm lý học, giáo viên và luật sư. Tổ chức từ thiện (30) cung cấp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nơi ở, bữa ăn bổ dưỡng và dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng như giúp chúng trở về với gia đình. Nó cũng đảm bảo rằng trẻ em có thể tiếp tục đến trường và nhận được một nền giáo dục phù hợp bằng cách hỗ trợ chúng học phí và chi phí sinh hoạt. Rộng Xanh tin rằng mọi trẻ em đều xứng đáng được chăm sóc đặc biệt để có cơ hội tốt hơn trong cuộc sống.

31.**Kiến thức:** Từ đồng nghĩa**Giải thích:**

I'm certain that robots will become a big part in our lives.

(Tôi chắc chắn rằng robot sẽ trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống của chúng ta.)

=> **I believe that robots will become a big part of our lives.**

(Tôi tin rằng robot sẽ trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống của chúng ta.)

Đáp án: I believe that robots will become a big part of our lives.

32.**Kiến thức:** Trạng từ - thì tương lai đơn**Giải thích:**

possibly = likely: có thể, khả năng

Driverless vehicles won't possibly become popular in this century.

(Xe không người lái có thể sẽ không trở nên phổ biến trong thế kỷ này.)

=> **It is not unlikely that driverless vehicles will become popular in this century.**

(Không có khả năng xe không người lái sẽ trở nên phổ biến trong thế kỷ này.)

Đáp án: It is not unlikely that driverless vehicles will become popular in this century.

33.**Kiến thức:** Trạng từ chỉ mức độ chắc chắn**Giải thích:**

I don't think people will live in floating houses.

(Tôi không nghĩ mọi người sẽ sống trong những ngôi nhà nổi.)

=> **People will probably not live in floating houses.**

(Mọi người có thể sẽ không sống trong nhà nổi.)

Đáp án: People will probably not live in floating houses.

34.

Kiến thức: V-ing

Giải thích:

insist on + V-ing: nhất quyết làm gì

Mark really wished to run a charity event to raise money for disabled students.

(Mark thực sự mong muốn tổ chức một sự kiện từ thiện để quyên tiền cho học sinh khuyết tật.)

=> Mark insisted **on running a charity event to generate funds for disabled students.**

(Mark nhất quyết tổ chức một sự kiện từ thiện để gây quỹ cho học sinh khuyết tật.)

Đáp án: Mark insisted on running a charity event to generate funds for disabled students.

35.

Kiến thức: to V/ V-ing

Giải thích:

It's rewarding + to V = It's worth: đáng, bổ ích làm gì

It's rewarding to volunteer your time, money and energy to help other people.

(Thật bổ ích khi tình nguyện dành thời gian, tiền bạc và sức lực của mình để giúp đỡ người khác.)

=> It's worth **volunteering your time, money and energy to help other people.**

(Thật đáng để bạn tình nguyện dành thời gian, tiền bạc và sức lực của mình để giúp đỡ người khác.)

Đáp án: It's worth volunteering your time, money and energy to help other people.

36. built on water

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

build on water: xây trên nước

We will live in a house that can be **built on water.**

(Chúng ta sẽ sống trong một ngôi nhà có thể được xây dựng trên nước.)

Thông tin: Our houses, our office buildings will be built on water and some houses can move from one place to another.

(Những ngôi nhà, tòa nhà văn phòng của chúng ta sẽ được xây dựng trên mặt nước và một số ngôi nhà có thể di chuyển từ nơi này sang nơi khác.)

Đáp án: built on water

37. smart and lovely

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

smart and lovely: thông minh và dễ thương

People will love the design of all **smart and lovely** devices.

(Mọi người sẽ yêu thích thiết kế của tất cả các thiết bị thông minh và đáng yêu.)

Thông tin: We will use solar energy to generate electricity and every electronic device will be so small but smart and lovely.

(Chúng ta sẽ sử dụng năng lượng mặt trời để tạo ra điện và mọi thiết bị điện tử sẽ thật nhỏ bé nhưng thông minh và đáng yêu.)

Đáp án: smart and lovely

38. housekeeping robot

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

housekeeping robot: người máy trông giữ nhà

A(n) **housekeeping robot** will prepare food in every house.

Thông tin: For example, each house will have a housekeeping robot that can cook food for us.

(Ví dụ, mỗi nhà sẽ có một robot dọn phòng có thể nấu đồ ăn cho chúng ta.)

Đáp án: housekeeping robot

39. electric or driverless

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Electric or driverless: điện tử hoặc không người lái

We won't have to drive anymore because most of the public transport will be **electric or driverless**.

(Chúng ta sẽ không phải lái xe nữa vì hầu hết các phương tiện giao thông công cộng sẽ chạy bằng điện hoặc không có người lái.)

Thông tin: 80% of the public transport will be electric or driverless.

(80% phương tiện giao thông công cộng sẽ chạy bằng điện hoặc không người lái.)

Đáp án: electric or driverless

40. pollution

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

pollution: sự ô nhiễm

There are traffic jams and **pollution** in the speaker's city.

(Có ùn tắc giao thông và ô nhiễm trong thành phố của người nói.)

Thông tin: I really wish to experience that technology world as now I am so tired of traffic jams and air pollution in my city.

(Tôi thực sự mong muốn được trải nghiệm thế giới công nghệ đó vì hiện tại tôi đã quá mệt mỏi với tình trạng tắc đường và ô nhiễm không khí ở thành phố của mình.)

Đáp án: pollution

Bài nghe:

Last night, I watched an interesting documentary about how our city will be in the next 100 years. Life in the future will be really different. Our houses, our office buildings will be built on water and some houses can move from one place to another. In this way, we will be able to save land for other purposes. We will use solar energy to generate electricity and every electronic device will be so small but smart and lovely. These devices will make our life more convenient. For example, each house will have a housekeeping robot that can cook food for us. This robot will be programmed to know what food we like or dislike. When we need to travel we won't need to drive cars or buses. 80% of the public transport will be electric or driverless. The city won't have many buildings on land, as they will be built on water. So what will we see? The city will be filled with beautiful flowers and fruit trees. There will be many green parks for people to do physical activities. So people will be healthier. Animals will not be endangered as they will live in the preserved forests or the Safari. I really wish to experience that technology world as now I am so tired of traffic jams and air pollution in my city.

Tạm dịch:

Đêm qua, tôi đã xem một bộ phim tài liệu thú vị về thành phố của chúng ta sẽ như thế nào trong 100 năm tới. Cuộc sống trong tương lai sẽ thực sự khác biệt. Những ngôi nhà, tòa nhà văn phòng của chúng ta sẽ được xây dựng trên mặt nước và một số ngôi nhà có thể di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Bằng cách này, chúng ta sẽ có thể tiết kiệm đất cho những mục đích khác. Chúng ta sẽ sử dụng năng lượng mặt trời để tạo ra điện và mọi thiết bị điện tử sẽ thật nhỏ bé nhưng thông minh và đáng yêu. Những thiết bị này sẽ làm cho cuộc sống của chúng ta thuận tiện hơn. Ví dụ, mỗi nhà sẽ có một robot dọn phòng có thể nấu đồ ăn cho chúng ta. Robot này sẽ được lập trình để biết chúng ta thích hay không thích món ăn nào. Khi cần đi du lịch chúng ta sẽ không cần phải lái ô tô hay xe buýt. 80% phương tiện giao thông công cộng sẽ chạy bằng điện hoặc không người lái. Thành phố sẽ không có nhiều tòa nhà trên đất liền vì chúng sẽ được xây dựng trên mặt nước. Vậy chúng ta sẽ thấy gì? Thành phố sẽ tràn ngập hoa đẹp và cây ăn trái. Sẽ có nhiều công viên cây xanh để người dân tập thể dục. Vì vậy con người sẽ khỏe mạnh hơn. Động vật sẽ không bị đe dọa vì chúng sẽ sống trong các khu rừng được bảo tồn hoặc Safari. Tôi thực sự mong muốn được trải nghiệm thế giới công nghệ đó vì hiện tại tôi đã quá mệt mỏi với tình trạng tắc đường và ô nhiễm không khí ở thành phố của mình.